

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương chứng nhận:

1. Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin

- Địa chỉ: Ngõ 1, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024.3864.2778;

Fax: 024.3864.2777.

- Địa chỉ đơn vị thử nghiệm: Phòng thử nghiệm, Chi nhánh Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO, Thôn Tây Sơn, Xã Vũ Chính, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình;

Điện thoại: 0363.648.526;

Email: Thinghiemhcmtb@gmail.com.

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành Công Thương trong lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm Amoni nitrat là tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 05.24.TN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ KH&CN (để biết);
- Vụ PC;
- Các Cục: ATMT, HC;
- Văn phòng Bộ (để đăng thông báo);
- Lưu: VT, KHCN.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Thanh Hoài



PHỤ LỤC
DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ CÁC PHÉP THỬ ĐĂNG KÝ THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Giấy chứng nhận số **1950/GCN-BCT** ngày **24** tháng **7** năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| TT | Tên sản phẩm, hàng hóa | Tên phép thử đăng ký | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo | Phương pháp/ Quy trình thử nghiệm |
|----|------------------------|--|--|-----------------------------------|
| 1 | Amoni nitrat | Xác định độ ẩm, % | 0,05 ÷ 1,5 | QCVN 03:2012/BCT |
| 2 | | Xác định độ tinh khiết của Amoni nitrat bằng phương pháp chuẩn độ, % | 95,0 ÷ 99,80 | QCVN 03:2012/BCT |
| 3 | | Xác định độ pH (Dung dịch 10%) | 4 ÷ 6 | QCVN 03:2012/BCT |
| 4 | | Xác định lượng cặn không tan trong nước, % | 0,01 ÷ 0,25 | QCVN 03:2012/BCT |
| 5 | | Xác định khả năng hấp phụ dầu, % | 6 ÷ 14 | QCVN 03:2012/BCT |
| 6 | | Xác định cỡ hạt (0,5÷3,0mm), % | 90 ÷ 100 | QCVN 03:2012/BCT |
| 7 | | Xác định khối lượng riêng rời, g/cm ³ | 0,6 ÷ 0,9 | QCVN 03:2012/BCT |
| 8 | | Xác định độ bền cơ học của Nitrat amon dạng hạt, g/mm ² | 80 ÷ 300 | QCVN 03:2012/BCT |
| 9 | | Xác định độ cứng, gam/hạt | 200 ÷ 1500 | TCCS 09:2015/TBMICCO |

*** Chú thích:**

- TCCS 09:2015/TBMICCO: Phương pháp thử nghiệm nội bộ của Phòng thử nghiệm, Chi nhánh Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO (Mã số VILAS 888).


